

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 18/2026/TT-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ủy quyền ký các văn bản liên quan thuộc lĩnh vực biển và hải đảo theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Phiếu trình số 329/PT-BHĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

Căn cứ Giấy phép nhận chìm ở biển số /GP-BTNMT ngày tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển ngày 12 tháng 3 năm 2026; Dự án nhận chìm ở biển được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 2944/CHHĐTVN-KHCNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

1. Mục đích sử dụng khu vực biển: để nhận chìm vật, chất nạo vét của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (công trình thực hiện năm 2025 - 2026 - 2027 - 2028)”.

2. Địa điểm khu vực biển: vùng biển phường Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long.

3. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là 240 ha, được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ cụ thể (1, 2, 3, 4), độ sâu được phép sử dụng từ 23,9 m đến 24,6 m (Hệ cao độ Quốc gia), được thể hiện chi tiết trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng: tàu hút bùn tự hành loại lớn (công suất >5945 CV, 04 tàu), tàu hút bùn tự hành loại nhỏ (công suất >1390 CV, 08 tàu), sà lan vận chuyển (công suất <3500T, 44 sà lan).

5. Thời hạn được giao khu vực biển: 36 tháng kể từ ngày ký Quyết định giao khu vực biển.

6. Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp và hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển: Không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển (theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP)

Điều 2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không làm ảnh hưởng đến việc khai thác, vận hành, an toàn của các công trình, thiết bị trên biển đã được cơ quan

nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện tại khu vực; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật; phải dừng ngay hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; phải thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển, bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn, hàng hải, bảo vệ tài nguyên, môi trường, nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

4. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

5. Thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, quy trình, quy định của pháp luật. Phương tiện, thiết bị sử dụng để thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển phải được kiểm định, kiểm tra, đánh giá và được phép sử dụng, lưu hành hợp pháp theo quy định của pháp luật. Không lợi dụng thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển, sử dụng các phương tiện, thiết bị để thu thập thông tin trái quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình quản lý, giám sát môi trường; các chương trình, kế hoạch, phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ, mất an toàn lao động. Phải dừng ngay hoạt động sử dụng khu vực biển trong trường hợp các chỉ số quan trắc về môi trường vượt quá giới hạn cho phép, xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường hoặc xảy ra sạt lở đê kè, bờ biển; sau khi thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục sự cố xảy ra theo quy định thì mới được tiếp tục sử dụng khu vực biển.

7. Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, pháp luật về thủy sản; không được cản trở các hoạt động quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu vực; các hoạt động trong quá trình sử dụng khu vực biển không được làm ảnh hưởng đến môi trường sống, nguồn lợi thủy sản; có các biện pháp để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường sinh thái, đảm bảo sinh kế, an toàn cho người, tàu cá di chuyển và phương tiện đánh bắt cá trong khu vực biển được sử dụng để nhận chìm. Thực

hiện việc nhận chìm ở biển hợp lý theo điều kiện khí tượng, hải văn khu vực, các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động đến nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, bảo tồn đa dạng sinh học; không gây thiệt hại đến tài nguyên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường trong khu vực biển được giao khi tiến hành hoạt động sử dụng khu vực biển.

8. Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật hàng hải; thực hiện đầy đủ các quy định bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ công trình hàng hải theo quy định; không gây ảnh hưởng, cản trở hoạt động hàng hải tại khu vực.

9. Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, biên giới quốc gia; các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng và quản lý hoạt động hàng hải; các quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ, phòng chống sự cố tràn dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm không gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; không để xảy ra các sự cố gây phức tạp về an ninh, trật tự. Có trách nhiệm phối hợp với các lực lượng thực thi pháp luật trên biển, cơ quan, đơn vị công an và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi có yêu cầu.

10. Chấp hành quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phải có giải pháp về sinh kế, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng trong quá trình sử dụng khu vực biển; chịu trách nhiệm bồi thường cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bị thiệt hại do hoạt động sử dụng khu vực biển gây ra theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm, nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục trưởng Cục Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đặng Ngọc Điệp (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, CA, NG, XD;
- Bộ NN&MT: Văn phòng Bộ, Cục Môi trường, Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- UBND tỉnh Vĩnh Long, Sở NNMT tỉnh Vĩnh Long;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: HS, VT, BHD.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM**

Nguyễn Quốc Toàn